TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HSST
Ngày 16/3/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải

Bà Vương Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Thiều Thị D; Sinh ngày 27/4/1975 tại Thanh Hóa; Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thiều Đình D (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; Có chồng là Lê Viết L (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2003; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/01/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Hoàng Văn Ph, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1976

Địa chỉ: khu 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Đinh Công B, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Lê Ngọc Ng, sinh năm 1972

Địa chỉ: thôn T 1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

5. Anh Lê Văn L, sinh năm 1970

Địa chỉ: thôn 7, phường C, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

6. Chị Bùi Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn Ph, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

- ***Người làm chứng:***

1. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1952

Địa chỉ: thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Phạm Hồng Kh, sinh năm: 1961

Địa chỉ: thôn V, xã Tr, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4,5/2016 Thiều Thị D giới thiệu với mọi người mình là nhân viên của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Thanh Hóa, có treo biển quảng cáo và rải tờ rơi tại địa bàn xã S, huyện H. Để mọi người tin tưởng D nói là có thể cho mọi người vay số tiền trong tiêu dùng từ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đến 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) mà không cần phải thế chấp tài sản, chỉ cần Chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và cam kết sẽ được giải ngân trong khoảng thời gian từ 15-25 ngày, nhưng yêu cầu người nào vay vốn phải đóng phí vay vốn là 15% trên tổng số tiền vay.

Quá trình điều tra, xác định Thiều Thị D đã thực hiện 06 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm đoạt số tiền 103.000.000 đồng (Một trăm linh ba triệu đồng) cụ thể:

- Vụ thứ nhất:

Khoảng tháng 6/2016, anh Hoàng Văn Ph, SN 1975 ở thôn Đ, xã S liên hệ với D để hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và gặp D tại nhà ông Lê Thanh B (là cậu họ của anh Ph), khi đó D yêu cầu anh Ph cung cấp CMND, sổ hộ khẩu, số điện thoại của bản thân và của người thân. Ngày 15/7/2016 D liên lạc với anh Ph và nói hồ sơ của anh Ph đã được duyệt nên yêu

cầu anh Ph phải đóng phí 15% trên tổng số tiền vay nên lúc đó anh Ph có điện thoại hỏi vay của ông Lê Thanh B số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và nhờ ông B chuyển lại cho D để làm thủ tục vay vốn ngân hàng, ngày 22/7/2016 Thiều Thị D tiếp tục yêu cầu anh Phú phải nộp hết số tiền còn thiếu thì mới được giải ngân nên anh Phú đã điện thoại và vay thêm của ông B 6.000.000 (Sáu triệu đồng) và nhờ ông B chuyển lại cho D, tổng số tiền mà D đã nhận của anh Phú từ ông B là 21.000.000 đồng (Hai mốt triệu đồng), khi D nhận tiền thì có viết giấy nhận và hẹn khoảng 1 tháng sau sẽ được giải ngân, nhưng sau đó không được giải ngân số tiền cần vay nên anh Phú liên lạc với D để hỏi việc giải ngân thì D khất lần, sau rất nhiều lần không được giải ngân nên anh Phú điện thoại đòi lại tiền thì D không nghe máy và cũng không trả lại số tiền đã nhận của anh Phú.

- Vụ thứ hai:

Khoảng tháng 6/2016, anh Trịnh Quốc T, SN 1976 ở thị trấn Hậu Lộc có liên hệ với D để hỏi vay số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và gặp D tại nhà ông Lê Thanh B, khi đó D yêu cầu anh T cung cấp CMND, sổ hộ khẩu, số điện thoại của bản thân và của người thân đồng thời yêu cầu anh T phải đóng phí 15% trên tổng số tiền vay. Ngày 15/7/2016 do không có tiền nộp nên anh T điện thoại hỏi vay của ông B với tổng số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) và nhờ ông B đưa cho D để làm hồ sơ vay vốn, khi D nhận tiền thì có viết giấy nhận và hẹn khoảng 1 tháng sau sẽ được giải ngân, sau đó khoảng 1 tuần thì D yêu cầu anh T phải nộp đủ số tiền đóng phí thì mới được giải ngân nên anh T tiếp tục điện thoại vay của ông B số tiền 6.000.000 (Sáu triệu đồng) và nhờ ông B chuyển số tiền đó lại cho Thiều Thị D, sau khi đã đưa đủ số tiền mà D yêu cầu là 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) nhưng không được giải ngân số tiền cần vay nên anh T điện thoại cho D để hỏi việc giải ngân thì D khất hết lần này đến lần khác, sau rất nhiều lần không được giải ngân nên anh Tuyên điện thoại đòi lại tiền thì D không nghe máy và cũng không trả lại số tiền đã nhận của anh Tuyên.

- Vụ thứ ba:

Khoảng tháng 7/2016, anh Đinh Công B, SN 1974 ở thôn Đ, xã S, huyện H liên hệ với D để hỏi vay số tiền 140.000.000 đồng và gặp D tại nhà ông Lê Thanh B, SN 1952 ở cùng thôn Đ, xã S. Khi gặp D yêu cầu anh B cung cấp CMND, sổ hộ khẩu, số điện thoại của bản thân và của người thân đồng thời phải đóng phí 15% trên tổng số tiền vay. Ngày 14/7/2016, tại nhà ông Lê Thanh B, anh Đinh Công B đưa cho D số tiền là

10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và ký hồ sơ vay vốn do D cung cấp, khi D nhận tiền thì có viết giấy nhận và hẹn khoảng 1 tháng sau anh Bình sẽ được giải ngân, anh B giao hẹn với D khi nào được giải ngân sẽ thanh toán số tiền còn lại, nhưng sau đó không được giải ngân số tiền cần vay nên anh B điện thoại cho D để hỏi việc giải ngân thì D khất lần, sau đó điện thoại thì D không nghe và cũng không trả lại số tiền đã nhận của anh Bình.

- Vụ thứ tư:

Khoảng tháng 7/2016, anh Lê Ngọc Ng, SN 1972 ở thôn T 1, H, huyện H đến nhà ông Lê Thanh B ở thôn Đ, S để chơi và gặp Thiều Thị D tại nhà ông B, quá trình nói chuyện thì D giới thiệu là nhân viên Ngân hàng VP Bank Thanh Hóa, do cần tiền để kinh doanh và biết Thiều Thị D treo băng zôn giới thiệu, phát tờ rơi "điểm thu hồ sơ vay vốn tín chấp trong tiêu dùng của ngân hàng VP Bank" nên anh Nguyệt tin tưởng, liên hệ với D để hỏi vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và gặp D tại nhà mẹ đẻ của D ở thị trấn Bút Sơn, khi đó D nói có cách làm dự án vay được 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), với lãi xuất 1,5%/năm mà không phải thế chấp nhưng phải đóng phí là 10,5% trên tổng số tiền vay đồng thời yêu cầu anh Ng cung cấp CMND, sổ hộ khẩu, số điện thoại của bản thân và của người thân. Ngày 17/7/2016 anh Ng đến nhà mẹ đẻ của D tại TT Bút Sơn đưa cho D số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), khi D nhận tiền thì có viết giấy nhận, hẹn khoảng 25 ngày sau sẽ được giải ngân và anh Ng giao hẹn với D khi nào được giải ngân sẽ thanh toán số tiền còn lại, nhưng sau đó không được giải ngân số tiền cần vay nên anh Ng điện thoại cho D để hỏi việc giải ngân thì D khất hết lần này đến lần khác, sau rất nhiều lần không được giải ngân nên anh Ng điện thoại và đến nhà đòi lại tiền thì D không nghe máy và cũng không trả lại số tiền đã nhận của anh Ng.

- Vụ thứ năm:

Vào khoảng năm 2016, anh Lê Văn L, SN 1970 ở phường C, TP H đến gia đình ông Lê Thanh B chơi và nói về khó khăn trong việc tìm nguồn vốn nên ông B giới thiệu Thiều Thị D là con gái kết nghĩa, có khả năng làm hồ sơ vay vốn ngân hàng và giải ngân nhanh, khi đó anh Luận xin số điện thoại và liên lạc với Thiều Thị D, khi anh L liên lạc thì D hẹn gặp anh L và yêu cầu anh L phải đóng số tiền là 15% trên tổng số tiền cần vay, sau đó thu chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và yêu cầu anh L nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để được giải ngân số tiền của anh L cần vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), do đang khó khăn về kinh tế nên anh L điện thoại hỏi vay của ông B số

tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đồng thời nhờ ông B đưa cho D và yêu cầu D viết giấy nhận tiền, khi nhận tiền thì D viết giấy nhận tiền và hẹn anh L sau 1 tuần làm việc anh L sẽ được giải ngân số tiền cần vay. Sau khi nhận tiền, đến hẹn anh L điện thoại cho D nhưng D lại hẹn ngày khác và sau đó hẹn nhiều lần nhưng không được giải ngân số tiền cần vay nên anh L điện thoại cho D để đòi lại số tiền nhưng D né tránh việc trả tiền và tắt máy không liên lạc được, tìm đến gia đình thì cũng không gặp được D.

- Vụ thứ sáu:

Khoảng tháng 8/2016, chị Bùi Thị H, SN 1975 ở xã L, huyện L, Thanh Hoá liên hệ với D để hỏi vay số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và gặp D tại nhà ông Lê Thanh B ở thôn Đ, xã S. D yêu cầu chị H cung cấp Chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, số điện thoại của bản thân và của người thân đồng thời phải đóng phí 15% trên tổng số tiền vay, ngày 11/8/2016 chị H vay của ông B số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) để đưa cho D và ký hồ sơ vay vốn, đến ngày 18/8/2016, D tiếp tục yêu cầu chị H phải nộp đủ số tiền thì mới được giải ngân nên chị H đã vay của ông B số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) và đưa cho D tại quán cà phê ở TP Thanh Hoá cả hai lần với tổng số tiền là 21.000.000 đồng (Hai mốt triệu đồng), khi D nhận tiền thì viết giấy nhận và hẹn khoảng 1 tháng sau sẽ được giải ngân, nhưng sau đó không được giải ngân số tiền cần vay nên chị H điện thoại cho D để hỏi việc giải ngân thì D khất lần, sau rất nhiều lần không được giải ngân nên chị H điện thoại đòi lại tiền thì D không nghe máy và cũng không trả lại số tiền đã nhận của vợ chồng chị H.

- Theo văn bản phúc đáp số 709/2019 ngày 25/10/2019 của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank):

+ VP Bank có sản phẩm cho vay tín chấp tiêu dùng dành cho Khách hàng cá nhân, theo đó lãi suất cho vay, hạn mức cho vay sẽ được áp dụng dựa trên khả năng tài chính của Khách hàng.

+ Liên quan đến đối tượng Thiều Thị D, sinh năm 1975 có thông tin nêu tại Công văn 1319/CSĐT không phải là cán bộ, công nhân viên, hợp đồng hay cộng tác viên của VP Bank từ trước đến nay. Nên VPBank không có cơ sở dữ liệu để cung cấp. (bút lục 103)

- Văn bản phúc đáp số 265/AN-FC.20 ngày 10/01/2020 của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng:

+ VPB FC không giao cho nhân viên hay cộng tác viên thu lệ phí cho vay đối với tổng số tiền được vay là 15%. Tất các các khoản phí mà khách hàng phải đóng đều được quy định rõ trên hợp đồng tín dụng. Ngoài ra khách hàng không phải đóng thêm bất kỳ chi phí nào.

+ Hiện tại, Công ty Khang Gia Khang không còn là đối tác của VPB FC và đã giải thể. Tại thời điểm VPB FC hợp tác với công ty Khang Gia Khang, Thiều Thị D (CMND số 171574853) là công tác viên của VPB FC với mã nhân viên KGK36015 trong khoảng thời gian từ 21/9/2015 đến 23/8/2016. Công việc của D là tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn, tư vấn khoản vay và hướng dẫn khách hàng ký hợp đồng tín dụng.

VPB FC không uỷ quyền cho Công ty Khang Gia Khang cũng như không cho phép nhân viên hay cộng tác viên thu lệ phí cho vay của khách hàng.

- Văn bản phúc đáp số 436/AN-FC.20 ngày 17/02/2020 của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng:

+ VPB FC có xác lập hợp đồng tín dụng của khách hàng Bùi Thị H. Ngoài các hợp đồng trên, VPB FC không ký kết hợp đồng tín dụng với các khách hàng Đinh Công B, Hoàng Văn Ph, Lê Ngọc Ng, Trịnh Quốc T.

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 20190930-0002733, VPB FC đã giải ngân số tiền 66.000.000đ vào tài khoản số 0123100002277009 của Ngân hàng TMCP Phương Đông OCB theo giao dịch số FT19277XCQ0D ngày 04/10/2019. VPB FC cung cấp bản sao hợp đồng tín dụng, lịch sử thanh toán đối với hợp đồng số 20190930-0002733.

- Văn bản phúc đáp số 1848/AN-FE ngày 22/4/2020 của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng:

+ VPB FC không có chi nhánh công ty trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Hoạt động kinh doanh của VPB FC trên tỉnh thành này được thể hiện qua 02 hình thức là nhân viên tư vấn tín dụng hỗ trợ khách hàng mua hàng hóa trả góp tại các cửa hàng có ký kết hợp đồng hợp tác với VPB FC và cộng tác viên tư vấn tín dụng chủ động tìm kiếm, giới thiệu và tư vấn khoản vay đến khách hàng.

+ Tại thời điểm VPB FC hợp tác với công ty Khang Gia Khang có nhân viên Thiều Thị D (CMND số 171574853) là cộng tác viên của VPB FC với mã nhân viên KGK36015 trong khoảng thời gian từ 21/9/2015 đến 23/8/2016.

+ Vào năm 2016 cộng tác viên Thiều Thị D được phân bổ địa bàn kinh doanh tại tỉnh Thanh Hóa, có trách nhiệm chính trong việc tìm kiếm khách hàng tiềm năng và tư vấn khoản vay tín dụng đến khách hàng .

- *Văn bản phúc đáp số 359/2021/CV-VPB ngày 09/4/2021 của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng:* Đến ngày 08/4/2021, 06 cá nhân: Đinh Công B, Hoàng Văn Ph, Bùi Thị H, Lê Ngọc Ng, Trịnh Quốc T và Lê Văn L không thiết lập giao dịch tín dụng tại VP Bank chi nhánh Thanh Hóa, VP Bank không có quy định về mức thu phí 15% trên tổng số tiền cần vay. Cá nhân Phạm Hồng Kh (SN 1961, CMND 173709028) không phải nhân viên, cộng tác viên làm việc tại VP Bank. VP Bank không đủ cơ sở phối hợp xác minh thông tin nhân sự đối với cá nhân tên H (SN 1968).

- Tại bản kết luận giám định số 2157/PC09 ngày 11/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký đứng tên Thiều Thị D trên các mẫu cần giám định (kí hiệu từ A3 đến A12) so với chữ viết, chữ ký đứng tên Thiều Thị D trên mẫu so sánh (kí hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết trên mẫu cần giám định (kí hiệu A1), trừ nội D ở các dòng viết: "Bình- dòng 6, Cường- dòng 15, Bình đóng- dòng 18, Đũ- dòng 20, Nam chuyển- dòng 21, 6T- dòng 22" từ trên xuống so với chữ viết đứng tên Thiều Thị D trên mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết, chữ ký đứng tên Thiều Thị D trên mẫu cần giám định (kí hiệu A2), trừ dòng viết nội D: "Đã cộng vào giấy = 37.000.000đ" so với chữ viết, chữ ký đứng tên Thiều Thị D trên mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M4) do cùng một người viết ra.

Tiến hành khám xét nơi ở của Thiều Thị D tại Phòng 405 Tòa nhà CT2 khu nhà ở xã hội P. Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa: không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoằng Hoá thu giữ: 01 danh sách vay vốn; 01 giấy nợ tiền ngày 15/01/2015; 01 giấy biên nhận ngày 15/7/2016 (số tiền 20 triệu đồng); 01 giấy biên nhận ngày 15/7/2016 (số tiền tổng cộng là 45 triệu đồng); 01 giấy biên nhận ngày 17/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 21/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 22/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 26/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 04/8/2016; giấy biên nhận ngày 14/7/2016, giấy biên nhận ngày 17/7/2016, đều do Thiều Thị D viết, các tài liệu này lưu theo hồ sơ vụ án. Đối với các tài liệu

thu giữ của ông Lê Thanh B gồm: 03 giấy nhận tiền vào các ngày 10/5/2015, 31/5/2015, 08/7/2015 với tổng số tiền 145 triệu đồng, quá trình điều tra bổ sung Cơ quan điều tra đã sao lưu trong hồ sơ vụ án còn bản gốc đã trả lại cho ông Lê Thanh B để tiếp tục điều tra xác minh.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố Thiều Thị D chưa bồi thường, các bị hại yêu cầu bị cáo Thiều Thị D bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 81/CT -VKSHH ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa đã truy tố bị cáo Thiều Thị D về tội " "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa ngày 16/12/2021 do còn thiếu chứng cứ để chứng minh những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng hình sự mà không thể bổ sung tại phiên tòa được nên HĐXX đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với nội D sau:

1. Cần có kết luận rõ ràng về số tiền 145.000.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) mà Thiều Thị D nhận của ông Lê Thanh B sử dụng vào việc gì?

- Nếu không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Thiều Thị D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 145.000.000đ trong việc xin việc cho chị Nguyễn Thị Th thì đề nghị có kết luận cụ thể và dành quyền cho ông Lê Thanh B khởi kiện về dân sự đối với Thiều Thị D.

- Nếu có căn cứ chứng minh Thiều Thị D lừa đảo số tiền 145.000.000đ của chị Nguyễn Thị Th mà chưa xác định được chị Th hiện nay ở đâu thì đề nghị có quyết định tách vụ án để điều tra làm rõ sau.

2. Đề nghị điều tra làm rõ việc bị cáo Thiều Thị D có hành vi thu 15% trên tổng số tiền vay của bà Hỏa Thị N 21.000.000đ, Chị Lê Thị Th 20.000.000đ và bà Đỗ Thị Th 75.000.000đ để xác định tư cách tham gia tố tụng cho bà Hỏa Thị N, chị Lê Thị Th và bà Đỗ Thị Th.

* Tại Bản kết luận điều tra bổ sung số 01/CSĐT ngày 21/01/2022 của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa kết luận:

1. Đối với số tiền 145.000.000 đồng xin việc: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa để làm việc với chị Nguyễn Thị Th là người có hồ sơ xin việc và ông Nguyễn Văn M là bố đẻ của chị Th nhưng ông Mi và chị Th không có mặt tại địa phương, gia đình không cung cấp được địa chỉ và chưa thu giữ được bản

gốc hồ sơ xin việc của chị Th, chưa xác định được nội D ủy quyền của chị Th và ông M cho ông Lê Thanh B đồng thời số tiền 145.000.000đ mà D nhận từ ông B lại viết là giấy vay tiền nên chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với Thiều Thị D về hành vi lừa đảo trong việc xin việc của chị Nguyễn Thị Th.

2. Về việc vay vốn ngân hàng của bà Hỏa Thị N 21.000.000đ, Chị Lê Thị Th 20.000.000đ và bà Đỗ Thị Th 75.000.000đ:

Trong quá trình điều tra bổ sung vụ án Cơ quan điều tra đã làm việc với Hỏa Thị N, Chị Lê Thị Th xác định: Sau khi làm hồ sơ vay vốn bà N và chị Th thấy một thời gian lâu chưa được vay vốn nên đã đến nhà ông Lê Thanh B đòi lại số tiền đồng thời đề nghị không tiếp tục vay vốn chỗ D nên không có yêu cầu đề nghị gì khác. Đối với bà Đỗ Thị Th, Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Th không hợp tác và từ chối ký vào biên bản làm việc của Cơ quan điều tra.

Từ các căn cứ thu thập được Cơ quan điều tra tách hành vi xin việc của Thiều Thị D đối với hồ sơ xin việc của chị Nguyễn Thị Th và hành vi thu 15% trên tổng số tiền vay của bà Hỏa Thị N 21.000.000đ; chị Lê Thị Thi 20.000.000đ và bà Đỗ Thị Th 75.000.000đ đối với các cá nhân bà Hỏa Thị N, bà Đỗ Thị Th, chị Lê Thị Th để xử lý bằng một vụ án khác khi có đủ tài liệu chứng cứ.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa có Công văn số 25/CV-VKSHH ngày 24/01/2022 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 81/CT -VKSHH ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ 01/01/2021.

Về vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án 03 giấy nhận tiền của ông Lê Thanh B vào các ngày 10/5/2015, 31/5/2015, 08/7/2015 với tổng số tiền 145 triệu đồng (bản sao y); 01 danh sách vay vốn; 01 giấy nợ tiền ngày 15/01/2015; 01 giấy biên nhận ngày 15/7/2016 (số tiền 20 triệu đồng); 01 giấy biên nhận ngày 15/7/2016 (số tiền tổng cộng là 45 triệu đồng); 01 giấy biên nhận ngày 17/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 21/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 22/7/2016; 01 giấy biên nhận

ngày 26/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 04/8/2016; giấy biên nhận ngày 14/7/2016 (bút lục 198), giấy biên nhận ngày 17/7/2016.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 579, 580 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 103.000.000đ.

Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 1, 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận và trong lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về tội danh*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo chỉ thừa nhận đã thu 15% trên tổng số tiền dự kiến vay của những người bị hại mà không thừa nhận đó là hành vi vi phạm pháp luật nhưng căn cứ vào hành vi của bị cáo cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Do động cơ và mục đích vụ lợi, khoảng tháng 4,5/2016, Thiều Thị D treo biển quảng cáo ở xã Hoằng Sơn, huyện Hoằng Hoá, tự giới thiệu là nhân viên ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Thanh Hóa và thông tin về việc có thể cho vay số tiền tiêu dùng từ 100.000.000đ đến 200.000.000đ mà không cần phải thế chấp tài sản, chỉ cần chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình và cam kết sẽ được giải ngân trong thời gian từ 15 – 25 ngày nhưng yêu cầu các khách hàng phải nộp phí vay vốn là 15% trên tổng số tiền vay. Với thủ đoạn trên, Thiều Thị D đã chiếm đoạt của 06 bị hại là anh Hoàng Văn Ph số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng, anh Trịnh Quốc T số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng), anh Đinh Công B số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), anh Lê Ngọc Ng số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), anh Lê Văn L số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), chị

Bùi Thị H số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng). Tổng số tiền Thiều Thị D chiếm đoạt là 103.000.000đ (một trăm lẻ ba triệu đồng).

Thiều Thị D là cộng tác viên của VPB FC trong thời gian từ 21/9/2015 đến 23/8/2016, công việc là tiếp nhận hồ sơ, tư vấn khoản vay và hướng dẫn khách hàng ký hợp đồng. VPB FC không giao cho nhân viên hay cộng tác viên thu lệ phí cho vay đối với tổng số tiền được vay là 15%. Tất các các khoản phí mà khách hàng phải đóng đều được quy định rõ trên hợp đồng tín dụng. Ngoài ra khách hàng không phải đóng thêm bất kỳ chi phí nào. Vì vậy việc đề ra mức thu 15% trên tổng số tiền cần vay nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại là trái quy định. Thiều Thị D khai báo mức thu 15% trên tổng khoản tiền được vay của khách hàng là do Nguyễn Thị H và anh Phạm Hồng Kh đặt ra, trong đó D trích cho ông B 5% còn lại 10% nộp cho chị H và anh Kh nhưng D không chứng minh được việc chi 5% cho ông B và giấy tờ giao tiền cho anh Kh và chị H nên Thiều Thị D phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thu 15% tiền phí trái pháp luật. Hành vi đó cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa truy tố bị cáo Thiều Thị D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3]. *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của công dân, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác nên cần phải được xử lý nghiêm và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo giục bị cáo trở thành người tốt cũng như để giáo dục chung cho xã hội.

[4]. *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo sáu lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" mặc dù sáu lần phạm tội đã áp dụng là tình tiết định tội nhưng theo hướng dẫn tại mục 4 Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo Thiều Thị D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về vật chứng: 01 danh sách vay vốn; 01 giấy nợ tiền ngày 15/01/2015; 01 giấy biên nhận ngày 15/7/2016 (số tiền 20 triệu đồng); 01 giấy biên nhận ngày 15/7/2016 (số tiền tổng cộng là 45 triệu đồng); 01 giấy biên nhận ngày 17/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 21/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 22/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 26/7/2016; 01 giấy biên nhận ngày 04/8/2016; giấy biên nhận ngày 14/7/2016 (bút lục 198), giấy biên nhận ngày 17/7/2016; 03 giấy nhận tiền của ông Lê Thanh B vào các ngày 10/5/2015, 31/5/2015, 08/7/2015 với tổng số tiền 145 triệu đồng (bản sao y) lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt nên cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền 103.000.000đ cho người bị hại.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Thiều Thị D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 579; Điều 580 của Bộ luật dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Thiều Thị D: 03 (ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 01/01/2021.

Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Thiều Thị D phải bồi thường cho người bị hại gồm:

- Anh Hoàng Văn Ph số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng)
- Anh Trịnh Quốc T số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng)
- Anh Đinh Công B số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng)
- Anh Lê Ngọc Ng số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)
- Anh Lê Văn L số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)
- Chị Bùi Thị H số tiền 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, khoản 1, 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thiều Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.150.000đ (năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lường Thị Hoa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Công an huyện Hoằng Hóa.*
- *THA hình sự huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.*
- *Bị cáo; Bị hại;*
- *UBND xã Đ*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*